

**Phụ lục III
Appendix III**

**MẪU BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN
CIRRICULLUM VITAE**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính)
(Pronndgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020
of the Minister of Finance)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness**

Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2026
Hanoi, day 06 month 7 year 2026

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/ CIRRICULLUM VITAE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
To: - The State Securities Commission;
- Hanoi Stock Exchange.

1/ Họ và tên /Full name: *Tổng Việt Trung / Tong Viet Trung*

2/ Giới tính/Sex: *Nam / Male*

3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth:

4/ Nơi sinh/Place of birth: *TP Hà Nội / Hanoi City.*

5/ Số CCCD (hoặc số hộ chiếu)/ ID card No. (or Passport No.):

Ngày cấp/Date of issue Nơi cấp/Place of issue *Cục cảnh sát quản lý hành chính
về trật tự xã hội / Police Department for Administrative Management of Social Order.*

6/ Quốc tịch/Nationality: *Việt Nam*

7/ Dân tộc/Ethnic: *Kinh*

8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence:

9/ Số điện thoại/Telephone number:

10/ Địa chỉ email/Email:

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Organisation's name subject to information
disclosure rules: *Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam/ Vietnam Electronics
and Informatics Joint Stock Corporation.*

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Current position in an
organization subject to information disclosure: *Phó Tổng Giám đốc / Deputy General
Director.*

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/Positions in other companies:

- Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Viettronics Quốc tế / *Member of
Board of Director, CEO of Viettronics International JSC;*

- Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Công nghệ Trạng Nguyên / *Member of
Board of Director, CEO of Trang Nguyen Technology JSC;*

14/ Số CP nắm giữ: 0 CP chiếm 0 % vốn điều lệ/ *Number of owning shares: 0 , accounting for 0 % of charter capital*

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/*Other owning commitments (if any):* Không/*None*

16/ Danh sách người có liên quan của người khai* /*List of affiliated persons of declarant:*

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019.

Stt No.	Mã CK Sec urit ies sym bol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationshi p with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents/ ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cổ hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person became an affiliated person/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person ceased to be an affiliate d person/ internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (when arising changes relate d to sectio ns of 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1		Tổng Viết Trung		Phó Tổng Giám đốc / Deputy Gener al Direct or		CCCD / Identity card					0	0%	04/7/2026		Bồ nhì ệ m/ app oint me nt	Người khai / Declara nt
1.01		Tổng Viết Khánh			Bồ đề / Father						0	0%				Đã mất/ Deceased
1.02		Nguyễn Thị Ngọc Hường			Mẹ đẻ / Mother						0	0%				Đã mất/ Deceased

Stt No.	Mã CK Sec urit ies sym bol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationshi p with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents(ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Numb er of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Perce nt age of shares owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person became an affiliated person/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person ceased to be an affiliate d person/ internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (when arisin g chang es relate d to sectio ns of 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (i.e. not in posession of a NSH No. and other notes)
1.03		Nguyễn Thị Yến		Không / None	Vợ/ Wife	CCCD / Identity card					0	0%	04/7/2026		Bổ nhị ệ/ / app oint me nt	
1.04		Tổng Viết Hiếu		Không / None	Con trai / Son	CCCD / Identity card					0	0%	04/7/2026		Bổ nhị ệ/ / app oint me nt	

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents/ ID/ Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person became an affiliated person/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
1.05		Tổng Thị Minh Trang		Không / None	Con gái / Daughter	CCCD / Identity card					0	0%	04/7/2026		Bổ nhiệm/ appointment	
1.06		Nguyễn Mai Phương		Không / None	Con dâu/ Daughter	CCCD / Identity card					0	0%	04/7/2026		Bổ nhiệm/	

Stt No.	Mã CK Sec urit ies sym bol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationshi p with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents(ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Numb er of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Perce nt age of shares owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person became an affiliated person/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person ceased to be an affiliate d person/ internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (when arisin g chang es relate d to sectio ns of 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
					ter-in- law										app oint me nt	
1.07		Tổng Viết Nam		Không / None	Anh trai/ Older brothe r	CCCD / Identity card					0	0%	04/7/2026		Bỏ nhì ệtm/ app oint me nt	

Stt No.	Mã CK Sec urit ies sym bol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationshi p with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents(ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Numb er of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Perce nt age of shares owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person became an affiliated person/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person ceased to be an affiliate d person/ internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (when arising chang es relate d to sectio ns of 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
										University, Hanoi, Group 5, Cau Giay Ward, Hanoi						
1.08		Nguyễn Văn Ban			Bố vợ/ Father -in-law											Đã mất/ Deceased
1.09		Lê Thị Lan		Không / None	Mẹ vợ/ Mother-in-law	CCCD / Identity card					0	0%	04/7/2026		Bỏ nhì ệm/ app oint me nt	

Stt No.	Mã CK Sec urit ies sym bol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationshi p with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents(ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Numb er of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Perce nt age of shares owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person became an affiliated person/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person ceased to be an affiliate d person/ internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (when arising changes relate d to sectio ns of 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (i.e. not in posession of a NSH No. and other notes)
1.10		Công ty CP Viettron ics Quốc tế / Viettron ics Internat ional JSC		- Thành viên HĐQT , Tổng Giám đốc Công ty cô phần Viettro nics Quốc tế / Membe r of Board of Direct or, CEO of Viettro nics Internat ional JSC	Tổ chức có liên quan/ related organi zation	Giấy ĐKKD/ Certificate of Business Registration	0111392899	Cấp lần đầu ngày 27/02/2026 / First issued on February 27, 2026	Sở tài chính thành phố Hà Nội / Hanoi Department of Finance	Tầng 17, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội / 17 Floor, Geleximco Biulding, 36 Hoang Cau, O Cho Dua ward, Hanoi city	0	0%	06/02/202 6		Bà u, bổ nhi ệm/ voti ng, app oint me nt	

Stt No.	Mã CK Sec urit ies sym bol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationshi p with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents(ID/Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Numb er of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Perce nt age of shares owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person became an affiliated person/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person ceased to be an affiliate d person/ internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (when arising chang es relate d to sectio ns of 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
1.11		Công ty CP Công nghệ Trạng Nguyễn / Trang Nguyen Technol ogy JSC		Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Công nghệ Trạng Nguyễn / Membe r of Board of Direct or, CEO of Trang Nguye n Techno logy JSC	Tổ chức có liên quan/ related organi zation	Giấy ĐKKD/ Certificate of Business Registration	0111558054	Cấp lần đầu ngày 03/7/2026 / First issued on July 03, 2026	Sở tài chính thành phố Hà Nội / Hanoi Department of Finance	Tầng 7, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội / 7 Floor, Geleximco Building, 36 Hoang Cau, O Cho Dua ward, Hanoi city	0	0%	04/7/2026		Bỏ nhi ệm/ app oint me nt	

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any): Không có / None*

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Interest in conflict with public company, public fund (if any): Không có / None*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

**NGƯỜI KHAI /
DECLARANT**

(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)



Lông Việt Trung